UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 621 /QĐ-TTPTQĐ

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh mục và đơn giá khởi điểm làm cơ sở cho thuê ngắn hạn đối với 50 (năm mươi) cơ sở nhà, đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Đợt 2 - tháng 10/2026)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ về các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm đẩy nhanh tiến độ xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định về giá đất và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền hằng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền hằng năm không thông qua hình thức đấu giá, mức đơn giá thuê đất thuê đất xây dựng công trình ngầm, mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 31/2026/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục cho thuê ngắn hạn do Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 2335/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2026 của UBND thành phố về việc phê duyệt Phương án quản lý, khai thác các cơ sở nhà, đất giao Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý;

Căn cứ Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc uỷ quyền phê duyệt đơn giá khởi điểm cho thuê quỹ đất ngắn hạn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Thực hiện Thông báo số 766/TB-VP ngày 03 tháng 8 năm 2026 của Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng về kết luận cuộc họp giao ban ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND thành phố; Công văn số 9361/VP-ĐTĐT ngày 20 tháng 8 năm 2026 của Văn phòng UBND thành phố về việc triển khai Thông báo số 126-TB/ĐU ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Đảng ủy UBND thành phố;

Thực hiện Kế hoạch số 62/KH-TTPTQĐ ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất về "Chiến dịch 90 ngày đêm tổ chức khai thác ngắn hạn hiệu quả quỹ nhà, đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất đang quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn thành phố Đà Nẵng";

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đấu giá và Giá đất.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục và đơn giá khởi điểm làm cơ sở cho thuê ngắn hạn đối với 50 (năm mươi) cơ sở nhà, đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Đợt 2 - tháng 10/2026) tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Căn cứ danh mục và đơn giá khởi điểm tại Điều 1 nêu trên, Phòng Đấu giá và Giá đất có trách nhiệm thực hiện các thủ tục liên quan, lựa chọn các tổ chức, cá nhân thuê đất ngắn hạn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Trung tâm; Trưởng các phòng: Phòng Đấu giá và Giá đất; Phòng Quản lý và Phát triển quỹ đất; Phòng Bồi thường, Giải phóng mặt bằng và Đo đạc; Giám đốc các Chi nhánh khu vực trực thuộc Trung tâm và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như điều 4;
- UBND thành phố (để báo cáo);
- Ban Giám đốc TT;
- Lưu VT, ĐG&GĐ.

GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Võ Nguyên Chương

oanhcdkyd 05/03/2020 09:10:52:50 arthuydk - baydlcdkuy

PHỤ LỤC

Danh mục và đơn giá khởi điểm làm cơ sở cho thuê đất ngắn hạn đối với 50 (Năm mươi) cơ sở nhà, đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Kèm theo Quyết định số 621 /QĐ-TTPTQĐ ngày 02 / 10 /2026 của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố)

TT	Danh mục nhà, đất	Mục đích sử dụng nhà, đất	Diện tích đất (m²)	Diện tích sàn sử dụng nhà (m²)	Thời hạn cho thuê	Đơn giá khởi điểm cho thuê cơ sở nhà, đất (đồng/m²đất/năm)
I	**Xã Thạnh Bình**					
1	Điểm trường thôn 4 Tiểu học Tiên Lộc (2 phòng học)	Cơ sở giáo dục	1.000,00	192	60 tháng	5.167
2	Điểm trường thôn 1 Tiểu học Tiên Lộc (2 phòng học)	Cơ sở giáo dục	1.294,00	132	60 tháng	10.692
3	Đất Trạm Y tế thôn 2 xã Tiên Lập	Đất công trình giao thông	1.317,40	0	60 tháng	1.425
4	Trường TH Mính Viên Thôn 6 Tiên Cảnh (phòng học và nhà vệ sinh)	Thương mại dịch vụ	1.591,00	120,4	60 tháng	10.986
5	Điểm trường thôn 3 Tiểu học Tiên Lộc (2 phòng học)	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1.645,00	316,5	60 tháng	7.802
II	**Xã Nam Trà My**					
1	Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp	Đất công trình giao thông (kho bãi,...)	3.604,00	520,00	60 tháng	51.606
III	**Xã Tiên Phước**					
1	Điểm trường lẻ (thôn 4 cũ) MG Tiên Mỹ, Thôn Tiên Phú Đông, xã Tiên Phước	Cơ sở giáo dục	304	0	60 tháng	1.304
2	Trụ sở làm việc cũ, đội thuế Tiên Thọ- Tiên Lập- Tiên Lộc- Tiên Mỹ- Tiên Phong, Thôn 3, xã Tiên Phước	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi	330	90	60 tháng	9.174

TT	Danh mục nhà, đất	Mục đích sử dụng nhà, đất	Diện tích đất (m²)	Diện tích sàn sử dụng nhà (m²)	Thời hạn cho thuê	Đơn giá khởi điểm cho thuê cơ sở nhà, đất (đồng/m²đất/năm)
3	Điểm trường lẻ MN Hướng Dương (thôn 4), Thôn Tài Đa, xã Tiên Phước	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi	361,5	260	60 tháng	36.068
4	Điểm trường thôn 8 (Thôn 10 cũ) TH Tiên Thọ, Thôn 8, xã Tiên Phước	Cơ sở giáo dục	388	0	60 tháng	1.015
5	Trạm kiểm lâm cũ, Thôn 3, xã Tiên Phước	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi	412,8	54	60 tháng	7.942
6	Điểm trường Mẫu giáo Thôn 3, xã Tiên Phước	Cơ sở giáo dục	726,5	69	60 tháng	6.414
7	Điểm trường mầm non thôn Phái Nam, Thôn Bình An, xã Tiên Phước	Cơ sở giáo dục	787	48	60 tháng	6.459
IV	**Xã Núi Thành**					
1	Thuế cơ sở 9	Thương mại dịch vụ	193,9	81,3	60 tháng	118.265
V	**Xã Xuân Phú**					
1	Thuế cơ sở 8 – Đội Thuế Bà Rén, xã Xuân Phú	Thương mại dịch vụ	170,81	170	60 tháng	32.369
VI	**Xã Chiên Đàn**					
1	Trường tiểu học Kim Đồng (Cơ sở Hoà Bình)	Cơ sở giáo dục	2.291,75	200	60 tháng	6.579
2	Trụ sở làm việc HĐND -UBND- UBMTTQVN Thị Trấn Phú Thịnh (cũ), huyện Phú Ninh (Cũ)	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi	2.764	0	60 tháng	1.625
3	Trung tâm giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam tại xã Tam Đàn	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi	19.100	392	60 tháng	4.549
4	Trạm y tế (cũ), xã Tam Thái huyện Phú Ninh trước đây	Cơ sở y tế	587	254,94	60 tháng	47.788

TT	Danh mục nhà, đất	Mục đích sử dụng nhà, đất	Diện tích đất (m²)	Diện tích sàn sử dụng nhà (m²)	Thời hạn cho thuê	Đơn giá khởi điểm cho thuê cơ sở nhà, đất (đồng/m²đất/năm)
5	Nhà trẻ đội 3 được tiếp quản của HTX 1 Tam Đàn trước đây	Công trình giao thông, công trình kho bãi	600	0	60 tháng	1.408
6	Lớp mẫu giáo thôn Phú Mỹ xã Tam Đàn Trước đây	Cơ sở giáo dục	600	45	60 tháng	19.269
7	Lớp mẫu giáo thôn Đàn Trung	Cơ sở giáo dục	660	160	60 tháng	53.295
8	Nhà trẻ đội 10 HTX Tam Đàn 1 cũ	Cơ sở giáo dục	750	0	60 tháng	1.936
9	Trung tâm HTX 2 cũ của Thị trấn Phú Thịnh, huyện Phú Ninh	Thương mại dịch vụ	9.780	150	60 tháng	2.907
10	VKSND huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam (cũ), địa chỉ: thôn Tam Cẩm, xã Chiên Đàn	Thương mại dịch vụ	1.998	612	60 tháng	60.108
11	Trụ sở làm việc UBND xã Tam Vinh, huyện Phú Ninh (cũ)	Thương mại dịch vụ	5.008,0	390,0	60 tháng	25.278
12	Trường tiểu học Kim Đồng (Cơ sở Xuân Phú)	Cơ sở giáo dục	5.322,0	500,0	60 tháng	4.222
13	Lớp mẫu giáo thôn Phú Mỹ cũ	Cơ sở giáo dục	500,0	60,0	60 tháng	11.968
VII	**Xã Trà Tân**					
1	Điểm trường thôn 3B - Trường PTDTBT TH Trần Cao Vân	Cơ sở giáo dục	1.200,0	107,0	60 tháng	22.132
2	Điểm trường MG Trà Tân thôn 2 (Thôn 3-K25)	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi...	189,0	59,20	60 tháng	16.114
3	Điểm trường TH Trần Cao Vân thôn 3A	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi...	300,0	80,0	60 tháng	22.328

TT	Danh mục nhà, đất	Mục đích sử dụng nhà, đất	Diện tích đất (m²)	Diện tích sàn sử dụng nhà (m²)	Thời hạn cho thuê	Đơn giá khởi điểm cho thuê cơ sở nhà, đất (đồng/m²đất/năm)
4	Điểm trường MG Trà Tân thôn 2 (Thôn 3)	Thương mại dịch vụ	225,0	60,680	60 tháng	5.165
5	Điểm trường thôn 1A -Trường PTDTBT TH Trần Cao Vân	Thương mại dịch vụ	498,0	61,0	60 tháng	11.598
6	Trường TH Nguyễn Viết Xuân - điểm trường thôn 3 xã Trà Tân	Thương mại dịch vụ	499,0	141,480	60 tháng	18.682
7	Điểm trường thôn 2B -Trường PTDTBT TH Trần Cao Vân	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi...	512,0	107,0	60 tháng	51.656
8	Điểm trường TH Trần Cao Vân thôn 1C	Cơ sở giáo dục	771,0	190,50	60 tháng	7.245
9	Điểm trường thôn 3A - Trường MG Trà Giác	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi...	80,0	60,0	60 tháng	62.629
10	Trạm Y tế xã Trà Giác (cũ)	Cơ sở Y tế	519,0	101,39	60 tháng	11.544
VIII	**Xã Tây Giang**					
1	Trường Tiểu học Lăng, thôn Aró, xã Tây Giang, thành phố Đà Nẵng	Cơ sở giáo dục	1.610,20	137,82	60 tháng	10.269
2	Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 (Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Giang (cũ), địa chỉ: Số 02, Đường số 2, thôn Agrồng, xã Tây Giang)	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi...	1.996,0	251,0	60 tháng	19.133
IX	**Xã Thượng Đức**					
1	Trạm Kiểm lâm An Điềm - Thôn 1, xã Thượng Đức	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	800,0	100,0	60 tháng	4.217

TT	Danh mục nhà, đất	Mục đích sử dụng nhà, đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích sàn sử dụng nhà (m^2)	Thời hạn cho thuê	Đơn giá khởi điểm cho thuê cơ sở nhà, đất (đồng/m^2đất/năm)
X	**Xã Đại Lộc**					
1	Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 (Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Lộc (cũ), địa chỉ: 179 đường Quang Trung, xã Đại Lộc)	Thương mại dịch vụ	542,2	220,0	60 tháng	29.012
2	Trụ sở Phòng Văn hóa huyện Đại Lộc (cũ)	Thương mại dịch vụ	656,6	286,0	60 tháng	49.140
XI	**Xã Quế Sơn**					
1	Đội quản lý trật tự xây dựng huyện Quế Sơn	Thương mại dịch vụ	469,0	196,0	60 tháng	69.535
XII	**Xã Quế Phước**					
1	Trường mẫu giáo Khánh Bình (cũ)	Đất công trình giao thông (kho bãi)	120,00	60,0	60 tháng	42.033
2	Cửa hàng mua bán xã Quế Ninh (cũ)	Đất công trình giao thông (kho bãi)	120,00	60,0	60 tháng	42.033
XIII	**Xã Quế Sơn Trung**					
1	Cơ sở nhà, đất tại xã Quế Sơn Trung thuộc Thuế cơ sở 8	Thương mại dịch vụ	75,0	144,0	60 tháng	92.333
XIV	**Xã Thạnh Mỹ**					
1	Nhà làm việc (Thôn Pà Dấu I)	Thương mại dịch vụ	335,0	334,6	60 tháng	70.575
2	Trạm đài thị trấn Thạnh Mỹ	Thương mại dịch vụ	824,1	144,0	60 tháng	29.569
XV	**Phường Tam Kỳ**					
1	Nhà làm việc (cũ) của Ban Quản lý chợ Tam Kỳ	Thương mại dịch vụ	78,3	162,5	60 tháng	376.247